TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/DSST
Ngày: 24-12-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Cyên;

Ông Phù Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Kim Sol - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2018, giữa:

2.1. Nguyên đơn: Bà Vương Thị C, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 01, ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

2.2. Bị đơn: Bà Neàng P, sinh năm 1968 và ông Chau A, sinh năm 1969 (chết). Cùng địa chỉ: Tổ 01, ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang, (bà P có mặt).

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.3.1. Chị Neàng R, sinh năm 1990,vắng mặt;

2.3.2. Anh Chau U, sinh năm 1993, vắng mặt;

2.3.3. Chị Neàng R, sinh năm 2001, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang.

2.4. Người phiên dịch: Ông Lục Tà D, cán bộ đài truyền thanh huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2017, lời khai quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vương Thị C trình bày:

Bà với bà Neàng P, ông Chau A là hàng xóm, ngày 18/8/2015 bà P, ông Chau A có đến nhà bà để vay số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 5%/tháng nhưng bà Neàng P, ông Chau A chỉ có trả lãi cho bà được một tháng với số tiền lãi 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*.

Cùng thời gian trên, bà Neàng P, ông Chau A vay thêm của bà số vàng 6,5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24 kara, lãi suất thỏa thuận một năm là 5.200.000 đồng nhưng bà Neàng P, ông Chau A cũng chỉ trả lãi cho bà được số tiền 2.600.000 đồng. khi vay số vàng thì bà Neàng P, ông Chau A có thế chấp cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A để tạo lòng tin với nhau.

Nay ông Chau A chết thì bà yêu cầu bà Neàng P cùng các con của ông Chau A – Neàng P trả lại bà số tiền vay còn nợ 42.000.000 đồng và nợ vàng là 6,5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24 Kra và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/8/2015 cho đến khi xét xử.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Neàng P trình bày:

Bà P không nhớ, từ rất lâu, trên 10 năm, bà có mượn của bà Csố tiền 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, mỗi tháng bà trả cho bà C350.000 đồng tiền lãi, bà đóng lãi từ khi vay đến khoảng tháng 10 năm 2016 thì bà ngưng trả lãi. Khi vay, chỉ thỏa thuận miệng chứ không làm giấy tờ, biên nhận gì.

Đối với số vàng 6,5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24Kra, bà P thừa nhận có vay của bà C, thời gian vay bà không nhớ, khi vay cố vàng này có thỏa thuận mỗi năm bà trả lãi cho bà Clà 52 giạ lúa *(khi trả quy ra tiền, tính 01 giạ lúa là 120.000 đồng)*, mỗi năm bà P trả cho bà Ctiền lãi của số vàng trên là 6.240.000 đồng, riêng năm 2017 đến nay bà chưa trả lãi lúa cho bà C.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A do bà Cđến nhà bà lấy và ông Chau A (chồng bà P) giao cho bà C, giao vào thời gian nào bà cũng không nhớ. Hiện nay diện tích đất này bà đã cầm cố cho ông Chau M ở ấp V, xã V1. Cầm cố với giá 2 cây (20 chỉ vàng) vàng 24Kra.

Do khi trả lãi cho bà C, bà không có ghi giấy tờ, biên nhận gì, bà không có chứng cứ nên bà không có yêu cầu khấu trừ phần tiền lãi đã trả. Đối với số tiền nợ thì bà xin trả phần vốn là 7.000.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 24 Kra. Bà P xin được trả dần, khi các con của bà đi làm ở Thành phố gửi tiền về bao nhiêu thì bà sẽ trả bấy nhiêu, còn phần tiền lãi thì bà xin không trả vì gia đình bà là hộ nghèo, bà không có khả năng trả một lần.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Neàng R, anh Chau U cùng trình bày:

Anh, chị, em có 3 người: 1- Neàng R, sinh năm 1990, 2- Chau U, sinh

năm 1993 và Neàng R, sinh năm 2001, là con của ông Chau A và mẹ Neàng P. Ngoài ra, cha mẹ không có nhận ai làm con nuôi, cha mẹ nuôi gì khác.

Cha của anh, chị là ông Chau A chết năm 2017, khi ông Chau A chết có để lại diện tích 1.705m^2 do ông Chau A đứng tên, hiện do bà Vương Thị C giữ Giấy đỏ. Việc bà Neàng P vay tiền của bà Vương Thị C thì anh, chị không biết do anh, chị đi làm công nhân ở Sài Gòn.

Nay nguyên đơn bà Vương Thị C khởi kiện yêu cầu bà Neàng P, ông Chau A có nghĩa vụ trả số nợ 42.000.000đ và trả số vàng 6,5 chỉ vàng 24Kra, số nợ này anh, chị không biết nên không có ý kiến gì. Riêng đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Chau A đứng tên mà hiện nay do bà C giữ thì anh, chị cũng không có ý kiến, anh, chị theo ý kiến của bà Neàng P.

- Tòa án truy cập trang wed: tygiavang.vn. Giấy phép số: 1147/GP-TTĐT do Sở thông tin và truyền thông Hà Nội cấp. Giá vàng ngày 24/12/2018, loại vàng nhẫn SJC 99,99 (24Kra) có giá mua vào là 3.528.000 đồng/ 01 chỉ; giá bán ra là 3.598.000 đ/ 01 chỉ, Tòa án áp dụng mức giá trung bình của vàng mua vào và bán ra là 3.563.000 đồng/ 01 chỉ, để làm cơ sở giải quyết vụ án và tính án phí.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung chứng cứ gì thêm.

4. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn để án quá thời gian Cần bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

- Đối với người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, xác định nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản giữa bên cho vay bà Vương Thị C, bên vay là bà Neàng P, ông Chau A (Chết), tranh chấp về số tiền và số vàng cho vay. Đối với số vàng thì giữa hai bên đã thống nhất dư nợ là 6.5 (sáu chỉ rưỡi) chỉ vàng 24Kra. Đối với số dư nợ tiền vay thì hai bên không thống nhất, theo nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền vay là 42.000.000đ *(bốn mươi hai triệu đồng)*, bị đơn thì cho rằng chỉ có vay và còn nợ là số tiền 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*. Tuy nhiên việc nguyên đơn khởi kiện, có nghĩa vụ chứng minh nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Tòa án chỉ chấp nhận một phần là số tiền mà bị đơn đã thừ nhận.

Đối với việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A giao bản chính cho bà C giữ,

nhận thấy giao dịch thế chấp mà hai bên thực hiện đã không tuân thủ quy định của pháp luật về việc thế chấp quyền sử dụng đất nên không phát sinh hiệu lực, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu, buộc nguyên đơn bà Vương Thị C trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A cho bị đơn bà Neàng P và những người thừa kế của đồng bị đơn ông Chau A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Giao dịch dân sự được hai bên thực hiện trước Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Neàng R, anh Chau U, Neàng R có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bên cho vay là bà Vương Thị C, bên vay là bà Neàng P, ông Chau A được quy định tại các Điều 122, Điều 127, Điều 137, Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2] Về số dư nợ tiền vay: Theo nguyên đơn cho rằng bị đơn bà Neàng P, ông Chau A còn nợ số tiền vay 42.000.000đ, bị đơn bà Neàng P không thống nhất số nợ mà chỉ thừa nhận có vay và còn nợ là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*.

Hai bên thực hiện giao dịch về vay tài sản nhưng không lập thành hợp đồng, không làm giấy tờ gì khác, không có người làm chứng; theo nguyên đơn cho rằng có viết trong giấy lịch thể hiện số tiền vay, ngày vay, có lập một bản giao cho bị đơn giữ nhưng bị đơn không thừa nhận. Quá trình tố tụng tại Tòa án, các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình, Tòa án tiến thu thập chứng cứ và yêu cầu các bên có nghĩa vu chứng minh, đã yêu cầu nguyên đơn giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng nguyên đơn không chứng minh được, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn mà

chỉ chấp nhận một phần theo lời thừa nhận của bị đơn là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*.

[2.3] Về số dư nợ vàng: số vàng vay là 6,5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24Kra được hai bên đương sự thống nhất, do đó bị đơn bà Neàng P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Vương Thị C.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi suất: nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 18/8/2015 đến khi xét xử.

Theo khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tUg ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ".

Về thời gian tính lãi suất, bị đơn không chứng minh được thời gian trả lãi nên chấp nhận thời điểm tính lãi như lời trình của nguyên đơn là ngày 05/7/2015 âm lịch (ngày 18/8/2015 dương lịch).

Lãi suất được tính: Lãi suất do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tUg ứng, do đó sự thỏa thuận của hai bên trái với quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm.

Do bị đơn bà Neàng P không thực hiện trả tiền lãi sở chấp nhận và mức lãi suất được tính là 1.125%/tháng (0,75%/tháng x 150%).

Số tiền lãi trên số tiền nợ 7.000.000đ x 1.125% x 40 tháng 6 ngày (từ ngày 18/8/2015 đến ngày 24/12/2018) là 3.165.500đ (ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Cộng vốn và lãi là 10.165.500đ (7.000.000đ + 3.165.500đ).

[2.5] Đối với lãi suất của dư nợ vàng vay 6,5 (sáu chỉ rưỡi) chỉ vàng 24Kra, tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Thị C không yêu cầu tính lãi suất vàng nên không xem xét.

[2.6] Đối với việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A, giao bản chính cho nguyên đơn bà Vương Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

"1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự;

b) Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

c) Người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

2. Hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch trong trường hợp pháp luật có quy định"

Về hình thức được quy định tại khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự thì "Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó."

Theo Điểm a khoản 3 điều 167 luật đất đai 2013 thì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất phải được công chứng hoặc chứng thực"

Đối chiếu quy định của pháp luật, giao dịch về thế chấp quyền sử dụng đất nhưng không tuân thủ về mặt hình thức và nội dung, do đó việc thế chấp này không phát sinh hiệu lực nên vô hiệu theo Điều 127 Bộ luật dân sự, hậu quả pháp lý được giải quyết theo khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự, buộc nguyên đơn bà Vương Thị C phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A cho những người thừa kế của ông Chau A là bà Neàng P, chị Neàng R, anh Chau U và chị Neàng R.

[2.7] Như vậy, số dư nợ tiền vay, nợ vàng là nợ Chung của vợ chồng bà Neàng P, ông Chau A (chết) nên phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Vương Thị C số tiền 10.165.500đ *(mười triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng)* và số vàng 6.5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24Kra.

[2.8] Xét yêu cầu về thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại: nhận thấy, nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ của vợ chồng bà Neàng P, ông Chau A nhưng do ông Chau A chết nên phát sinh thừa kế và những ng□ời h□ởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ng□ời chết để lại. Do đó, trường hợp bị đơn bà Neàng P không trả hoặc trả không đủ số tiền, vàng nêu trên cho nguyên đơn bà Vương Thị C thì chị Neàng R, anh Chau U và chị Neàng R *(con của bà Neàng P, ông Chau A)* phải liên đới cùng với bà P trả tiền, vàng nêu trên cho bà Vương Thị C và chỉ liên đới trả trong phạm vi di sản của ông Chau A chết để lại theo quy định tại Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên việc thế chấp giữa bà Vương Thị C với ông Chau A, Neàng P vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Neàng P có lỗi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.660.500đ *(một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)* nhưng do bị đơn bà Neàng P là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn toàn bộ án phí 1.660.500đ *(một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)* cho bị đơn bà Neàng P.

- Nguyên đơn Vương Thị C phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận có giá ngạch là 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.618.000đ *(một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng)* theo biên lai thu số TU/2015/0015588 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Khi án có hiệu lực bà Vương thị C phải nộp thêm số tiền án phí là 32.000đ (*ba mươi hai nghìn đồng)*.Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 , Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố dụng dân sự;

- Điều 122, Điều 127, Điều 137, Điều 471; Điều 474; Điều 476, Điều 637 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Xử: Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị C.

Buộc bà Neàng P phải trả cho bà Vương Thị C số tiền 10.165.500đ *(mười triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng)* và số vàng 6.5 *(sáu chỉ rưỡi)* chỉ vàng 24Kra.

Trường hợp bị đơn bà Neàng P không trả hoặc trả không đủ số tiền, vàng nêu trên cho nguyên đơn bà Vương Thị C thì chị Neàng R, anh Chau U và chị Neàng R phải liên đới cùng với bà P trả cho bà Vương Thị C và chỉ liên đới trả trong phạm vi di sản của ông Chau A chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tuyên bố việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Vương Thị C với bà Neàng P, Chau A (chết) là vô hiệu.

Buộc nguyên đơn bà Vương Thị C phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận số 00720 QSDĐ/cK cấp ngày 14/8/1992 đứng tên Chau A cho những người thừa kế của ông Chau A là bà Neàng P, chị Neàng R, anh Chau U và chị Neàng R.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Neàng P là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn toàn bộ án phí 1.660.500đ *(một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)* cho bị đơn bà Neàng P.

- Nguyên đơn bà Vương Thị C phải chịu án phí là 1.650.000đ *(một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.618.000đ *(một triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng)* theo biên lai thu số TU/2015/0015588 ngày 19/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Khi án có hiệu lực bà Vương thị C phải nộp thêm số tiền án phí là 32.000đ (*ba mươi hai nghìn đồng)*.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên Tòa thì được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (05);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, Vp (2).

Châu Nam Phú